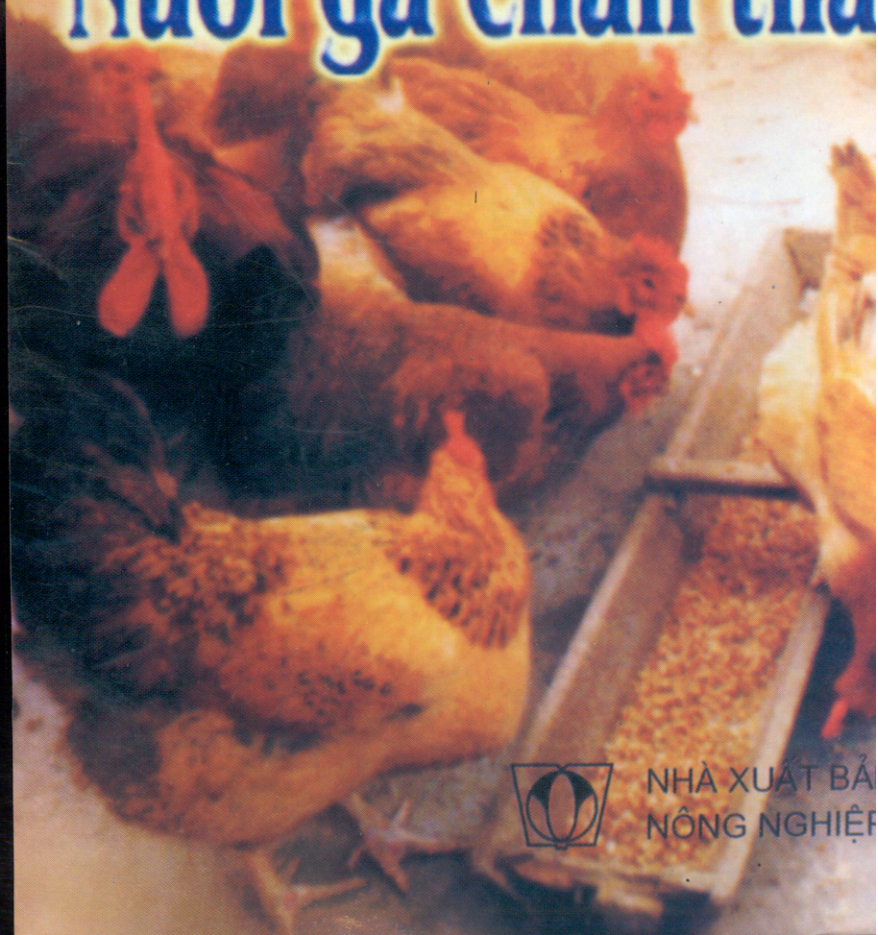


TS. TRẦN CÔNG XUÂN - Th.S. HOÀNG VĂN LỘC
Th.S. NGUYỄN THỊ KHANH

Hướng dẫn Nuôi gà chăn thả



NHÀ XUẤT BẢN
NÔNG NGHIỆP

TS. TRẦN CÔNG XUÂN - ThS. HOÀNG VĂN LỘC
ThS. NGUYỄN THỊ KHANH

202 + 1 72 5 = 3
72 5 72 5 56 4

Hướng dẫn
NUÔI GÀ CHẮN THẢ
(Tái bản lần thứ 1)

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI 2002

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong những năm gần đây, nghề nuôi gà chăn thả lông màu các giống: Tam Hoàng (882, Jiang Cun), Lương Phượng, ISA, Kabir... đã và đang phát triển ở nhiều hộ nông dân và các trang trại thuộc nhiều vùng sinh thái của nước ta.

Các giống gà nói trên có năng suất thịt và trứng hơn hẳn các giống gà nội. Gà nuôi 2 tháng 18 ngày có khối lượng từ 1,5 đến 2,4 kg/con. Một mái một năm đẻ từ 148 đến 195 quả trứng tùy theo mỗi giống. Trong khi đó, gà nội có năng suất thịt và trứng chỉ bằng 50% so với các giống gà này.

Phương thức chăn nuôi cũng như thức ăn để nuôi không đòi hỏi cao như nuôi gà công nghiệp, nên các nông hộ và các trang trại chăn nuôi rất ưa chuộng. Ở các tỉnh trung du, miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng, duyên hải miền Trung, Đông Nam bộ, đồng bằng sông Cửu Long... các giống gà chăn thả mới đã và đang phát triển, góp phần tăng thu nhập và xóa đói giảm nghèo. Nhiều hộ nông dân đã giàu lên nhanh chóng nhờ nuôi gà chăn thả.

Cuốn sách "Hướng dẫn nuôi gà chăn thả" do TS. Trần Công Xuân, ThS. Hoàng Văn Lộc và ThS. Nguyễn Thị Khanh biên soạn rất ngắn gọn, nội dung dễ hiểu, sát hợp với thực tế cho người nuôi gà chăn thả. Nhà xuất bản Nông nghiệp trân trọng giới thiệu cuốn sách này với đông đảo bạn đọc. Chúng tôi hy vọng cuốn sách sẽ giúp ích cho nhiều hộ nông dân và các chủ trang trại muốn nuôi gà chăn thả để tìm hiểu và áp dụng.

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

I. ĐẶC ĐIỂM, TÍNH NĂNG SẢN XUẤT CỦA GÀ CHĂN THẢ

Đặc trưng chủ yếu của gà chăn thả là lông vàng hoặc đốm sẫm chân, da màu vàng, thân hình chữ nhật, thịt mềm, mùi vị thơm ngon. Gà có tốc độ sinh trưởng nhanh, tính di truyền ổn định, sức đề kháng tốt để nuôi, thích nghi với điều kiện sinh thái Việt Nam và phù hợp với phương thức nuôi thâm canh, chăn thả.

Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Các chỉ tiêu	Tam Hoàng	Lương Phượng	Kabir	ISA
* Gà sinh sản				
Tuổi đẻ trứng đầu (ngày)	145	152	155	150
Sản lượng trứng/68 tuần/mái	153	175	195	198
Khối lượng trứng (g)	52	53	55	55
Tiêu tốn TĂ/10 trứng (kg)	2,9	2,8	2,6	2,6
Tỷ lệ nở (%)	84,8	84-85,0	84,6	84-85,0
Tỷ lệ nuôi sống (%)	94,5	94,5	94,0	94,0
* Năng suất nuôi thịt				
Khối lượng cơ thể (kg)	1,9	2,3	2,4	2,4
T.Ă/kg tăng trọng (kg)	2,7-2,8	2,6-2,7	2,3	2,5-2,6
Tỷ lệ nuôi sống (%)	96,2	96,0	96,0	96,0

Gà chăn thả lông màu: Tam Hoàng, Lương Phượng, Kabir, ISA được nhập vào Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương. Qua nhiều năm theo dõi đã cho kết quả tốt. Hiện nay con giống sinh sản và thương

phẩm gà chăn thả đã được tiêu thụ rộng rãi ở khắp các tỉnh thành trong toàn quốc và là một trong những đối tượng chính của chiến lược phát triển gia cầm năng suất chất lượng cao giai đoạn 2000-2010.

Năng suất một số tổ hợp lai

Công thức lai	Tuổi giết thịt (tuần)	Khối lượng (kg)	Tiêu tốn thức ăn (kg)
Kabir x Tam Hoàng	10	1,9- 2,0	2,5- 2,6
Tam Hoàng x Kabir	10	2,0- 2,1	2,4- 2,5
Kabir x Lương Phượng	10	2,0- 2,1	2,4- 2,5
Lương Phượng x Tam Hoàng	10	1,6- 1,7	2,65
Tam Hoàng 882 x Rhoderi JC	11-12	1,5- 1,6	2,8-2,9

II. KỸ THUẬT NUÔI GÀ CHĂN THẢ SINH SẢN

A. GIAI ĐOẠN GÀ CON, DÒ VÀ HẬU BỊ (1 - 140 NGÀY)

1. Chuẩn bị điều kiện nuôi

Trước khi nuôi gà cần chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện vật chất kỹ thuật như: Chuồng nuôi, rèm che, cát quây, chụp sưởi, máng ăn, máng uống.

Tất cả phải được khử trùng trước khi sử dụng 5-7 ngày.

- Chuẩn bị đầy đủ thức ăn, thuốc thú y cần thiết cho đàn giống.

- Chuồng nuôi đảm bảo thoáng mát mùa hè, kín ấm vào mùa đông.

- Nền chuồng thiết kế đúng kỹ thuật, cao ráo, thoát nước.

- Chất độn chuồng: trấu, dăm bào sạch, dày 5 - 10cm được phun thuốc sát trùng (foocmon 2%).

2. Chọn giống gà con

Chọn những gà nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn, chân mập. Tránh chọn nuôi những gà khô chân, vẹo mỏ, khoèo chân, hở rốn, xệ bụng, lỗ huyết bết lông.

3. Giữ ấm cho gà

Gà con rất cần ấm bởi vì nó không tự điều chỉnh được thân nhiệt trong 2 tuần đầu. Do vậy việc giữ ấm theo nhu cầu cơ thể gà trong các tuần tuổi đầu mới xuống chuồng rất cần thiết. Nếu không đảm bảo đủ nhiệt độ, tỷ lệ nuôi sống và khả năng sinh trưởng sẽ bị ảnh hưởng, các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa dễ phát sinh.

Yêu cầu nhiệt độ chuồng nuôi:

Ngày tuổi	Nhiệt độ trong quây (°C)	Nhiệt độ trong chuồng (°C)	Ấm độ tương đối (%)
1-3	31-32	27-30	
4-7	30-31	27-30	
8-14	29-30	26-28	60-70
15-21	26-28	24-26	
22-28	24-26	22-24	
> 28	23-24	20-22	

Thiết bị sưởi ấm: Có thể dùng bóng điện, bóng hồng ngoại ở những nơi có điện hoặc đèn măng sông, bếp than, lò ủ trấu.... ở vùng sâu vùng xa.

Dụng cụ sưởi treo giữa quây trong ô chuồng, đặt cao hay thấp tùy theo yêu cầu nhiệt độ cụ thể.

Trong quá trình nuôi, quan sát phản ứng của đàn gà đối với nhiệt độ:

+ Nếu đàn gà tập trung gần nguồn nhiệt, chen lấn, chồng đống lên nhau là chuồng nuôi không đủ nhiệt độ, gà bị lạnh.

+ Nếu đàn gà tản xa nguồn nhiệt, nháo nhác, khát nước, há mỏ để thở là bị quá nóng, cần phải điều chỉnh giảm nhiệt độ.

+ Nếu gà con tùm lại một phía là bị gió lùa, rất nguy hiểm, cần phải che kín hướng gió thổi.

+ Khi nhiệt độ trong quây thích hợp gà vận động, ăn uống bình thường, ngủ nghỉ tăn đều.

4. Mật độ nuôi

- Nuôi nền, sử dụng độn chuồng:

1 - 7 tuần tuổi	15 - 20 con/m ²
8 - 20 tuần tuổi	7 - 10 con/m ²
> 20 tuần tuổi	4 con/m ²

- Nuôi trên sàn lưới:

1 - 3 tuần tuổi	40 - 50 con/m ²
4 - 12 tuần tuổi	10 - 12 con/m ²

5. Ánh sáng

Gà con cần chiếu sáng 24/24 h từ 1 đến 3 tuần đầu, từ 4 đến 6 tuần tuổi giảm dần còn 16 giờ; 7- 18 tuần tuổi chiếu sáng 8h/ngày. Thường chỉ cần ánh sáng tự nhiên là đủ. Ánh sáng phải phân bố đều trên diện tích chuồng nuôi.

Yêu cầu ánh sáng:

Tuần tuổi	Thời gian	Cường độ (W/m ² chuồng nuôi)
0 - 2	24 h	4
3 - 8	16 h	3
9 - 14	8 h (ánh sáng tự nhiên)	2
15 - 20 h	8 h (ánh sáng tự nhiên)	2,5
> 21	16 h	3,5

6. Nước uống, máng ăn

- *Nước uống:* Cần cho gà uống nước sạch và để tăng sức đề kháng trong những ngày đầu pha vào nước 5 g đường gluco + 1 g vitamin C/1lít nước.

Sử dụng chum nước uống tự động bằng nhựa, chứa 3,5 lít nước cho 100 con.

Vị trí đặt chum nước có khoảng cách thích hợp với khay ăn để thuận tiện cho gà ăn uống. Hàng ngày thay nước 2 - 3 lần, để nước không bị ôi chua khi thức ăn lẫn vào.

Ngày đầu mới xuống chuồng, đầu tiên cho gà uống nước trước, sau 2-3 giờ mới cho thức ăn.

- *Máng ăn:* Đảm bảo đầy đủ máng ăn để gà không chen lấn và ăn đồng đều. Trong 2 - 3 tuần đầu sử dụng khay ăn bằng tôn hoặc nhựa, với kích thước 3 × 50 × 80 cm cho 100 gà con.

Cần cho gà ăn nhiều lần trong ngày. Lượng thức ăn mỗi lần cần đổi đủ theo nhu cầu để thức ăn luôn được mới, sạch sẽ, kích thích tính thèm ăn của gà. Mỗi lần cho ăn cần loại bỏ chất độn chuồng và phân lẫn trong máng.

Sau 3 tuần nên thay khay ăn bằng máng dài hoặc máng P50 cho hợp vệ sinh.

Chiều dài máng ăn bình quân/gà cần phải đảm bảo:

Tuần tuổi	Khoảng cách (cm)
1 - 2	3 - 4
3 - 5	4 - 5
6 - 8	6 - 7

Khi dùng máng treo cần phải thường xuyên điều chỉnh độ cao để gà được ăn một cách thoải mái và tránh thức ăn bị rơi vãi.

Máng ăn cần thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ.

7. Nuôi dưỡng, chăm sóc

Gà con 1 - 42 ngày tuổi cho ăn tự do cả ngày đêm. Có thể nuôi chung trống, mái.

Sau 42 ngày tuổi, kết thúc giai đoạn gà con, phải chuyển chế độ nuôi ăn hạn chế để gà không bị béo, sinh trưởng tuân theo quy trình chuẩn của từng giống. Giai đoạn này cần tách trống, mái nuôi riêng.

**Khẩu phần thức ăn (tham khảo) phối chế
cho gà con và gà hậu bị**

Nguyên liệu (%)	Giai đoạn gà con (0-6 tuần tuổi)	Giai đoạn hậu bị (7-20 tuần tuổi)
Ngô	49,0	29,6
Cám gạo	22,3	20,0
Bột cá loại I	6,3	4,4
Khô đỗ tương	16,5	4,0
Proconco C27	-	22,0
Thóc	-	12,0
Bột cỏ	2,0	3,0
Bột xương	2,4	3,0
Premix vitamin	0,2	0,2
Premix khoáng	1,0	1,5
Methionin	0,2	0,2
Lyzin	0,1	0,1
Tổng	100	100
N. lượng ME (Kcal/kg)	2950,00	2685,00
Protein	18,05	14,52
ME/Protein	163,49	191,55
Methionin	0,34	0,30
Lyzin	0,96	0,71
Canxi	1,45	1,43
Photpho tổng số	0,74	1,03
NaCl tổng số	0,30	0,30

**Khối lượng cơ thể cần đạt và định lượng thức ăn
nuôi gà mái đẻ, hậu bị**

Tuần tuổi	Tam Hoàng		Lương Phượng		Kabir		ISA	
	Khối lượng mái (g)	TĂ (g/con)	Khối lượng mái (g)	TĂ (g/con)	Khối lượng mái (g)	TĂ (g/con)	Khối lượng mái (g)	TĂ (g/con)
7	640	50	880	60	980	49	640	43
8	780	52	990	62	1080	50	780	47
9	920	54	1100	64	1160	52	920	52
10	1030	57	1200	67	1240	54	1030	56
11	1120	60	1300	70	1340	55	1120	58
12	1180	62	1400	72	1380	57	1180	60
13	1240	64	1490	76	1440	57	1240	62
14	1310	67	1580	79	1490	60	1310	65
15	1360	69	1660	82	1560	62	1360	67
16	1440	72	1740	85	1610	65	1440	69
17	1480	75	1800	89	1660	67	1480	73
18	1520	78	1850	93	1720	70	1520	75
19	1600	82	1890	97	1780	73	1600	80
20	1660	87	1930	101	1850	78	1660	85

*** Nuôi hạn chế cần đáp ứng một số yêu cầu**

Phải có đủ máng ăn, máng uống (20-25 con/1 máng P50, 12 - 15 cm chiều dài máng cho 1 gà). Nếu không đủ máng ăn gà phát triển không đồng đều con to, con nhỏ ảnh hưởng đến tuổi phát dục đồng đều và năng suất trứng.

Vì vậy hàng tuần nên cân gà theo ngày giờ cố định. Cân trước khi cho ăn. Số lượng cân mẫu 10 - 15%/đàn, hoặc tối thiểu 30 con đối với những đàn có số lượng ít để kiểm soát khối lượng, đánh giá mức đồng đều và kết quả chăm sóc nuôi dưỡng.

8. Vệ sinh phòng bệnh

Phòng bệnh là chính, đảm bảo nghiêm ngặt những quy định về vệ sinh phòng bệnh. Sử dụng các quy trình phòng bệnh tùy thuộc vào tình hình dịch tễ ở mỗi địa phương. Phải quan sát theo dõi gà thường xuyên như: trạng thái ăn, nghỉ, thể trạng, âm thanh tiếng thở, chất bài tiết... để bất kỳ một dấu hiệu bất thường nào đều được xử lý kịp thời.

Trong chuồng chỉ nên nuôi gà cùng lứa tuổi. Không nuôi động vật khác như chó, mèo trong trại... định kỳ diệt trừ các loài động vật gặm nhấm và côn trùng có hại khác.

B. GIAI ĐOẠN GÀ ĐỂ (> 140 NGÀY)

Đây là giai đoạn quyết định hiệu quả chăn nuôi gà sinh sản

1. Chọn lọc gà giống sinh sản và mật độ nuôi

- Chọn những gà mái lên sinh sản ngoại hình đã phát dục biểu hiện bằng độ bóng của lông, mào tích đã đỏ, bụng mềm, xương chậu rộng.

Đối với gà trống: Chọn những con có mào thẳng đứng, to, chân cao, hai cánh vững chắc, úp gọn trên lưng, dáng hùng dũng.

- Tỷ lệ ghép 1 trống/9-10 mái. Thời điểm ghép lúc 19 - 20 tuần tuổi.

- Mật độ nuôi: 3 - 5 con/m².

2. Thức ăn, nước uống

***Khẩu phần thức ăn (tham khảo) phối chế
nuôi giai đoạn gà đẻ***

Nguyên liệu (%)	Giai đoạn gà đẻ (> 20 tuần tuổi)
Ngô	33,0
Cám gạo	21,0
Bột cá loại I	4,8
Khô đỗ tương	4,0
Proconco C21	16,0
Thóc	12,0
Bột cỏ	3,0
Bột xương	3,0
Premix vitamin	0,3
Premix khoáng	2,6
Methionin	0,2
Lyzin	0,1
Tổng	100
N. lượng ME (Kcal/kg)	2700-2750
Protein	17,0-17,5
Methionin	0,44
Lyzin	1,19
Canxi	3,52
Phospho tổng số	0,75
NaCl tổng số	0,30

Thức ăn phải đảm bảo chất lượng tốt, cân đối đủ mức protein, năng lượng và cân bổ sung bột đá, bột vỏ sò nhiều gấp 3 - 4 lần so với các giai đoạn trước để gà tạo vỏ trứng. Mọi tác nhân gây hại phải hạn chế tối đa để tránh gây stress. Khi thay khẩu phần thức ăn gà hậu bị sang thức ăn gà đẻ nên tiến hành từ từ:

2 ngày đầu 75% thức ăn gà dò + 25% thức ăn gà đẻ

2 ngày tiếp 50% thức ăn gà dò + 50% thức ăn gà đẻ

2 ngày tiếp 25% thức ăn gà dò + 75% thức ăn gà đẻ

Từ ngày thứ 7 cho ăn 100% thức ăn gà đẻ.

Nhu cầu dinh dưỡng khẩu phần thức ăn của gà mái trong giai đoạn này cần đạt 16,5 - 17% protein và 2750 Kcal ME/kg thức ăn. Thường xuyên định kỳ bổ sung các loại vitamin có tác dụng kích thích và duy trì sinh sản như A, D, E... Khi thời tiết nắng nóng bổ sung thêm các chất điện giải, đường gluco và vitamin C.

Định lượng ăn của gà trong giai đoạn này điều chỉnh căn cứ vào tỷ lệ đẻ, tháng tuổi của đàn gà. Mức ăn 115-120 g/con/ngày. Khi gà đẻ đạt tỉ lệ 60-70% cho ăn tăng 125 g/con/ngày. Nếu có điều kiện có thể

sử dụng máng ăn riêng cho gà trống và gà mái để đạt chất lượng trứng ấp tốt.

Nước uống phải đảm bảo sạch, mát. Thay nước 2 - 3 lần trong ngày.

3. Chuồng nuôi, chế độ chiếu sáng

Đảm bảo thoáng mát về mùa hè. Tránh gió lùa và đủ ấm về mùa đông. Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ chuồng nuôi và khu xung quanh chuồng nuôi. Chất độn chuồng phải đảm bảo không bị ẩm ướt, bụi và mốc.

Ổ đẻ phải có lớp lót dày và sạch tránh làm dập và bẩn trứng.

Duy trì độ dài chiếu sáng lên 16 h/ngày bằng cách sử dụng ánh sáng nhân tạo (buổi tối thấp bóng điện sáng đến 21 - 22 h; 3 - 3,5 W/m²).

4. Thu trứng và bảo quản trứng giống

Lấy trứng ấp sau khi gà đẻ được 4 tuần.

Trứng được thu 3 - 4 lần trong ngày, để tránh bị dập vỡ và bẩn.

Bảo quản trứng ở nơi thoáng mát, sạch sẽ. Điều kiện bảo quản tốt nhất 15-17°C, ẩm độ 72-75%. Mùa đông bảo quản trứng 7 ngày, mùa hè để trứng 3 - 5 ngày ấp 1 lần.

Chú ý: Đối với trứng giống không rửa, nếu dính bụi cát hoặc chất độn chỉ cần vệ sinh khô. Cai ấp cho gà: Hết trật đẻ gà đòi ấp cần tách nuôi riêng những cá thể ấp, bổ sung thêm vitamin để gà nhanh chóng đẻ trở lại, nhằm nâng cao năng suất trứng.

III. KỸ THUẬT NUÔI GÀ CHĂN THẢ LẤY THỊT

Trong chăn nuôi gia cầm chăn thả lấy thịt, việc chăm sóc, nuôi dưỡng, thoả mãn đầy đủ các nhu cầu sinh lý đòi hỏi phát triển của cơ thể ở mỗi giai đoạn sẽ khai thác tối đa tiềm năng di truyền của giống, đạt khối lượng giết thịt càng sớm, càng tốt.

Gia cầm chăn thả nuôi lấy thịt được chia làm các giai đoạn: 0-4 tuần; 5-8 tuần; 9 tuần đến giết thịt. Nhu cầu dinh dưỡng cần như sau:

Chế độ dinh dưỡng của gà chăn thả nuôi thịt

Giai đoạn Chỉ tiêu	0-4 tuần tuổi	5-8 tuần tuổi	9 tuần tuổi - giết thịt
N. lượng ME (Kcal/kg)	2800	2850	2900-3000
Protein (%)	19	18	16
ME/Protein	147,3	158,33	181,25
Methionin (%)	0,42	0,39	0,38
Lyzin (%)	1,08	1,05	0,97
Canxi (%)	1,2	1,19	1,18
Photpho tổng số (%)	0,77	0,76	0,78
NaCl tổng số (%)	0,32	0,33	0,31

1. Chăm sóc nuôi dưỡng

- Chế độ chăm sóc, quản lý tương tự như nuôi gà chăn thả sinh sản.

- Gà được ăn tự do suốt ngày đêm (ăn càng nhiều càng tốt).

- Thời gian chiếu sáng 24/24 giờ (ban ngày dùng ánh sáng tự nhiên, đêm thắp sáng bằng bóng điện). Trong điều kiện thời tiết và nhiệt độ của môi trường thuận lợi (ấm áp, khô ráo) sau 3-4 tuần tuổi, nếu thời tiết lạnh dưới 20°C sau 5-6 tuần, có thể thả cho gà vận động, cơ săn chắc, khi giết mổ thịt không bị nhão.

2. Thức ăn

Khẩu phần ăn được cân đối đủ các chất dinh dưỡng đáp ứng cho nhu cầu phát triển trong giai đoạn nuôi. Thức ăn phối chế đa nguyên liệu, sử dụng đậm nguồn gốc từ động vật, thực vật, premix vitamin, khoáng vi lượng...

Không dùng nguyên liệu bị nấm mốc, nhiễm độc tố aflatoxin, hoặc bột cá có hàm lượng muối cao.

Dùng đồ tương phải được rang chín gà mới tiêu hoá được, nếu sống gà ăn vào sẽ bị rối loạn tiêu hoá (bị ỉa chảy).

**Tự phối chế khẩu phần thức ăn
gà chăn thả nuôi thịt**

Nguyên liệu \ Giai đoạn	0-4 tuần tuổi	5-8 tuần tuổi	9 tuần tuổi - giết thịt
Ngô (%)	46	51	59
Cám gạo (%)	20	18,3	12,3
Bột cá loại I (%)	6	6	4
Khô đỗ tương (%)	14	11	12
Proconco C20 (%)	8	7	6
Bột cỏ (%)	2	2	2
Premix vitamin (%)	0,3	0,3	0,3
Premix khoáng (%)	1	1,9	1,9
Bột xương (%)	2,4	2,2	2,2
Methionin (%)	0,2	0,2	0,2
Lyzin (%)	0,1	0,1	0,1
Tổng	100	100	100
N. lượng ME (Kcal/kg)	2900	2950	3100
Protein (%)	19-20	18	16
ME/Protein	147,37	158,33	181,25
Methionin (%)	0,42	0,39	0,38
Lyzin (%)	1,08	1,05	0,97
Canxi (%)	1,2	1,19	1,18
Photpho tổng số (%)	0,77	0,76	0,78
NaCl tổng số (%)	0,32	0,33	0,31

Lịch phòng một số bệnh chính

Ngày tuổi	Thuốc và cách dùng
01	Tiêm phòng vaccin Marek
1 - 4	Phòng bệnh đường ruột - hô hấp bằng: - Cloramphenicol 0,2 g/lít nước - Tylosin 0,5 g/lít nước - Furazolidon: 150 g/tấn thức ăn + Tylosin 0,5 g/lít nước - Vitamin; B.complex, Biovit Plus
5	Vaccin Gumboro lần I (tùy theo loại vaccin)
7	Chủng đậu, nhỏ vaccin Lasota lần I
7 - 10	Phòng cầu trùng bằng Furazolidon: 250 g/tấn thức ăn (hoặc Esb3)
12 - 14	Vaccin Gumboro lần II (tùy theo loại vaccin)
18 - 20	Nhỏ Lasota lần II
21 - 22	Vaccin Gumboro lần III (tùy theo loại vaccin)
56 - 60	Tiêm vaccin Newcastle hệ I
70 - 80	* Phòng bệnh CRD bằng Tylosin
110 - 120	* Tẩy giun sán bằng Piperazin 5,5kg/tấn thức ăn
140	* Tiêm vaccin Newcastle hệ I lần II
210	* Phòng bệnh CRD bằng Tylosin

** Áp dụng nuôi gà sinh sản*

MỤC LỤC

	Trang
Lời Nhà xuất bản	3
I. ĐẶC ĐIỂM, TÍNH NĂNG SẢN XUẤT CỦA GÀ CHĂN THẢ	5
II. KỸ THUẬT NUÔI GÀ CHĂN THẢ SINH SẢN	4657 6
A. Giai đoạn gà con, dò và hậu bị (1 - 140 ngày)	6
1. Chuẩn bị điều kiện nuôi	6
2. Chọn giống gà con	7
3. Giữ ấm cho gà	7
4. Mật độ nuôi	9
5. Ánh sáng	9
6. Nước uống, máng ăn	10
7. Nuôi dưỡng, chăm sóc	11
8. Vệ sinh phòng bệnh	14
B. Giai đoạn gà đẻ (>140 ngày)	14
1. Chọn lọc gà giống sinh sản và mật độ nuôi	14
2. Thức ăn, nước uống	15
3. Chuồng nuôi, chế độ chiếu sáng	17
4. Thu trứng và bảo quản trứng giống	17
III. KỸ THUẬT NUÔI GÀ CHĂN THẢ LẤY THỊT	4658 18
1. Chăm sóc nuôi dưỡng	19
2. Thức ăn	20
	23

Chịu trách nhiệm xuất bản

LÊ VĂN THỊNH

Biên tập và sửa bản in

ÁNH THỦY - BÍCH HOA

Trình bày bìa

ĐỖ THỊNH

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP

D14 - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 8523887 - 8521940 Fax: (04) 5760748

CHI NHÁNH NXB NÔNG NGHIỆP

58 Nguyễn Bình Khiêm, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 8297157 - 8299521 Fax: (08) 9101036

In 1000 bản khổ 13x19cm. Tại Xưởng in NXB Nông nghiệp.

Giấy trích ngang số 3/861 do Cục XB cấp ngày 21/6/2001.

In xong và nộp lưu chiểu quý III/2002